

Số:

Quảng Xương, ngày 15 tháng 3 năm 2024

V/v Công bố cơ sở đáp ứng yêu cầu là
cơ sở thực hành trong khối ngành đào
tạo khối ngành sức khỏe

BẢN TỰ CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành
trong đào tạo khối ngành sức khỏe**

Kính gửi: Sở Y tế Thanh Hoá

Tên cơ sở công bố: **Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Xương**

Giấy phép hoạt động: Số 600/SYT-GPHĐ, ngày 06/04/2015

Địa chỉ: Tổ dân phố Trung Phong, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương,
tỉnh Thanh Hóa

Chịu trách nhiệm chuyên môn: **Nguyễn Văn Nhiên**

Điện thoại liên hệ: 0373.863.006

Email (nếu có): **benhviendakhoaquangxuong@gmail.com**

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 5 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: (Phụ lục 1)

- Điều dưỡng
- Hộ sinh
- Kỹ thuật xét nghiệm y học
- Kỹ thuật ảnh y học
- Kỹ thuật PHCN
- Dược
- Y sỹ đa khoa
- Y sỹ học cổ truyền

2. Trình độ đào tạo thực hành: Đại học, Cao đẳng, Trung cấp (Phụ lục 1)

- Điều dưỡng: Đại học, cao đẳng
- Hộ sinh: Cao đẳng
- Kỹ thuật xét nghiệm y học: Cao đẳng

- Kỹ thuật ảnh y học: Cao đẳng
- Dược: Cao đẳng
- Bác sỹ đa khoa, Cao đẳng Y sỹ đa khoa
- Cao đẳng/ trung cấp Y sỹ học cổ truyền

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ)
(Phụ lục 1): 1245 người.

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Phụ lục 2)

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh tại mỗi khoa phòng

STT	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)
1.	Khoa Hệ nội	25			
	Hồi sức Cấp cứu			20	60
	Khoa Nội TH			60	180
	Khoa Truyền Nhiễm			30	90
2.	Khoa Ngoại	22		55	165
3.	Khoa Sản	30		55	165
4.	Khoa Nhi - SS	35		45	135
5.	Khoa Đông Y - PHCN	12		45	135
6.	Khoa Dược	7			0
7.	Khoa Xét nghiệm	7			0
8.	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	8			0
	TỔNG	146	2340	310	930

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Phụ lục 03)

7. Chương trình đào tạo thực hành đạt yêu cầu theo Điều 4 của Nghị định 111/NĐ- CP (Có phụ lục kèm theo)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KH (02).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Nhiên

**THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆH
NĂM 2024**

1. TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG - TRUNG CẤP

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	6720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Lâm sàng Nội, truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nội khoa	Cấp cứu, Nội TH, Truyền nhiễm	10	150	40	120	0	120
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Ngoại khoa	Ngoại	10	150	20	60	0	60
				Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa	Sản	10	150	15	45	0	45
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	10	150	10	30	0	30
	Tổng 1						40	750	85	255	0	255
2	6720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa	Sản	8	120	10	30	0	30
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	12	180	10	30	0	30
	Tổng 2						20	300	20	60	0	60

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
3	6720101 5720101	Cao đẳng/ trung cấp	Y sỹ đa khoa	Lâm sàng Nội truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng bệnh học Nội khoa	Cấp cứu, Nội TH, Truyền nhiễm	5	75	30	90	0	75
				Lâm sàng Ngoại	- Thực hành lâm sàng bệnh học Ngoại khoa	Ngoại	4	60	15	45	0	45
				Sản khoa	- Thực hành lâm sàng bệnh học Sản khoa	Sản	4	60	10	30	0	30
				Lâm sàng Nhi khoa	- Thực hành lâm sàng bệnh học Nhi khoa	Nhi	4	60	10	30	0	30
	Tổng 3						17	255	65	195	0	180
4	6720201	Cao đẳng	Dược	Dược LS Thực tập TN	- Dược LS - Thực tập TN	Khoa Dược	7	105			0	105
	Tổng 4						7	105			0	105
5	6720102 / 5720102	Cao đẳng/ Trung cấp	Y sĩ y học cổ truyền	Lâm sàng Nội nhiễm	- Thực hành LS YHCT, LS bệnh học y học hiện đại - Thực hành LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	Đông y - Phcn	7	105	25	75	0	75
	Tổng 5						7	105	25	75	0	75
6	6720601	Cao đẳng	Kỹ thuật hình ảnh y học	Lâm sàng V1, V2, Thực tập TN	- KT Siêu âm chẩn đoán - KT Chụp XQ - KT chụp CLVT- CHT - Quản lý khoa XQ	Chẩn đoán hình ảnh	8	120			0	120
	Tổng 6						8	120			0	120

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
7	6720603	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	Lâm sàng V1, V2, Thực tập TN	LS PHCN LS VĐTL; Ngôn ngữ trị liệu LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	Đông y - PHCN	5	75	20	60	0	60
	Tổng 7						5	75	20	60	0	60
8	6720602	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Lâm sàng V1, V2, Thực tập TN Ls Huyết học Hóa sinh Vi sinh – KST	Ls Huyết học Hóa sinh Vi sinh – KST	Xét nghiệm	7	105	0		0	105
	Tổng 8						7	105			0	105
	Tổng chung						111	1815	215	645	0	960

2. TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC:

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 10)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 10)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	7720301	Đại học	Điều dưỡng đa khoa	Lâm sàng Nội nhiễm	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nội khoa	Cấp cứu, Nội TH, Truyền nhiễm	5	75	20	60	0	60
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Ngoại khoa	Ngoại	4	60	10	30	0	30
				Lâm sàng Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa	Sản	4	60	10	30	0	30
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	5	75	7	21	0	21
	Tổng 1						18	270	47	141	0	141
2	7720101		Bác sỹ đa khoa	Lâm sàng Nội nhiễm	Thực hành lâm sàng bệnh học Nội khoa	Cấp cứu, Nội TH, Truyền nhiễm	5	75	20	60	0	60
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng bệnh học Ngoại khoa	Ngoại	4	60	10	30	0	30
				Sản khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Sản khoa	Sản	4	60	10	30	0	30

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 10)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Nhi khoa	Nhi	4	60	8	24	0	24
	Tổng 2						17	255	48	144	0	144
	Tổng chung						35	525	95	285	0	285

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

1. CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giờ đạt yêu cầu thực hành
1.	Trần Thị Hương	Bác sĩ ĐK	BSĐK	017684/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nội - Truyền nhiễm - HSCC Thực tập tốt nghiệp	- Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác - CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... - Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...	Nội khoa - Truyền nhiễm - Cấp cứu	40
2.	Bùi Đức Trọng	Bác sĩ ĐK	BSĐK	020130/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm				
3.	Nguyễn Văn Tuyền	BSCKI Truyền nhiễm	BSĐK	007943/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa	> 10 năm				
4.	Lê Xuân Cương	Bác sĩ ĐK	BSĐK	0006927/Q NI-CCHN	Khám bệnh,	> 10 năm				

					chữa bệnh đa khoa					
5.	Trần Thị Hồng	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	012738/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
6.	Trương Thị Tú	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	016665/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
7.	Lê Thị Hoa	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	012728/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
8.	Lê Thị Duyên	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	004815/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
9.	Lê Thị Ánh	CĐ Điều dưỡng		007988/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
10.	Nguyễn Văn Thìn	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	004845/TH- CCHN	Điều dưỡng viên, KTV thận lọc máu	> 10 năm				
11.	Hoàng Thị An	Bác sĩ ĐK		016632/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Ngoại Thực tập tốt nghệp	- Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường - Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...	Khoa ngoại	20
12.	Mai Văn Huỳnh	Bác sĩ ĐK		004852/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa,	> 10 năm				

					điện não, điện tim chẩn đoán					
13.	Hoàng Anh Tuấn	BSCKI RHM		004703/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa RHM & làm RHG	> 10 năm				
14.	Lê Đức Anh	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	004798/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
15.	Lê Thị Thủy	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	007992/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
16.	Hoàng Thị Trang	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	007986/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
17.	Đặng Văn Dũng	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	004848/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
18.	Lê Thị Diệp	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	15039/TH- CCHN		> 10 năm				
19.	Hoàng Văn Đạo	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	016667/TH- CCHN		> 10 năm				
20.	Nguyễn Văn Hoàng	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	007990/TH- CCHN	Điều dưỡng viên,	> 10 năm				

					KTV gây mê					
21.	Nguyễn Thị Thu	Bác sĩ ĐK		015965/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Sân Thực tập tốt nghệp	- Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... - Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...	Khoa Sân	15
22.	Lê Đình Tài	Bác sĩ ĐK / định hướng THM		017733/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm				
23.	Vũ Thị Huê	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	012734/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
24.	Phạm Thị Thúy	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	007985/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
25.	Bùi Thị Huyền	Hộ sinh Cao đẳng	ĐD ĐK	007975/TH- CCHN	Hộ sinh viên	> 10 năm				
26.	Triệu Thị Tuyết	Hộ sinh Cao đẳng	ĐD ĐK	000833/TH- CCHN	Hộ sinh viên	> 10 năm				
27.	Uông Thị Ngọc Trâm	Hộ sinh Cao đẳng		016664/TH- CCHN	Hộ sinh viên	> 10 năm				
28.	Trần Anh Dũng	CĐ Điều dưỡng		007989/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
29.	Nguyễn Thị Dung	CĐ Điều dưỡng		007954/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
30.	Mai Thị Yến	CĐ Điều dưỡng		016273/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				

31.	Nguyễn Trọng Hải	BSCKI Mắt		14795/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi Thực tập tốt nghệp	- Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác. - CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... - Thực hiện các KT ĐD: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ.	Khoa Nhi	10
32.	Hoàng Thế Chiến	BSCKI TMH		004837/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, chuyên khoa TMH	> 10 năm				
33.	Bùi Thị Nhung	CĐ Điều dưỡng		007953/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
34.	Hoàng Hồng Nhung	CĐ Điều dưỡng		007972/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
35.	Mai Hiền Anh	CĐ Điều dưỡng		007955/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
36.	Nguyễn Thị Huyền	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	007967/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
37.	Nguyễn Thị Lượng	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	004821/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
38.	Lê Văn Từ	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	13760/TH- CCHN	Lê Văn Từ	> 10 năm				
39.	Đoàn Thị Hiền	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	004808/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				

40.	Trương Minh Huy	CĐ Điều dưỡng	ĐD ĐK	012727/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
-----	-----------------	---------------	-------	----------------	-----------------	----------	--	--	--	--

2. CAO ĐẲNG Y SỸ ĐA KHOA

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Nguyễn Thị Mai Hoa	Bác sĩ ĐK	BSĐK	15222/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Nội - Truyền nhiễm - HSCC Thực tập tốt nghiệp	- Khám, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác. - Xử trí Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... - Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...	Nội khoa - Truyền nhiễm - Cấp cứu 30	30
2.	Nguyễn Thu Hương	Bác sĩ ĐK	BSĐK	15588/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm				
3.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Bác sĩ ĐK	BSĐK	016635/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm				
4.	Phạm Thị Hiền	Bác sĩ ĐK	BSĐK	14215/TH-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	> 5 năm				
5.	Phạm Hồng Sơn	Bác sĩ ĐK	BSĐK	0007085/QNI-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm				

6.	Nguyễn Văn Linh	Thạc sĩ ngoại	BSĐK	007946 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Ngoại Thực tập tốt nghiệp	- Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường. - Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...	Khoa ngoại	15
7.	Lê Văn Tiến	Bác sĩ ĐK	BSĐK	020238 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm				
8.	Nguyễn Giang Nam	Bác sĩ ĐK	BSĐK	019916 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm				
9.	Nguyễn Thị Xuân	Bác sĩ ĐK	BSĐK	13761/ TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nhi	> 5 năm				
10.	Cầm Thị Huyền	Bác sĩ ĐK	BSĐK	016434 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Sản Thực tập tốt nghiệp	- Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... - Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...	Khoa Sản	10
11.	Cao Thị Linh	Bác sĩ ĐK	BSĐK	019016 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm				
12.	Nguyễn Thị Thu	Bác sĩ ĐK	BSĐK	020338 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm				
13.	Bùi Thị Huệ	Bác sĩ ĐK	BSĐK	019945 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm				

14.	Phạm Thị Tuyết	Bác sĩ ĐK / định hướng GMHS	BSĐK	018594 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Nhi Thực tập tốt nghiệp	- Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác - CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... - Thực hiện các KT ĐD: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe	Khoa Nhi	10
15.	Nguyễn Văn Tùng	Bác sĩ ĐK	BSĐK	017859 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm				
16.	Nguyễn Thị Tuyết	Bác sĩ ĐK	BSĐK	020521 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm				
17.	Nguyễn Thị Giang	Bác sĩ ĐK	BSĐK	14935/ TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nội tiết	> 5 năm				

3. CAO ĐẲNG HỘ SINH

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành , chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giờ đạt yêu cầu thực hành
1.	Nguyễn Văn Nhiên	BSCKI sản	BSCKI sản	004833/ TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh sản	> 10 năm	Lâm sàng	- Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ....	Khoa Sản	10

					phụ khoa & Gây mê hồi sức		Sản vòng 2. 3 ... Thực tập tốt nghệ	- Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...		
2.	Lê Như Quỳnh	Hộ sinh ĐH	Hộ sinh	007893/ TH- CCHN	Hộ sinh viên	> 10 năm				
3.	Hoàng Thị Tuyết	Hộ sinh ĐH	Hộ sinh	004979/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên					
4.	Lê Thị Ngọc	Cao đẳng Hộ sinh	Hộ sinh	004812/ TH- CCHN	Hộ sinh viên	> 10 năm				
5.	Phạm Thị Dung	Cao đẳng Hộ sinh	Hộ sinh	007897/ TH- CCHN	Hộ sinh viên	> 5 năm				
6.	Trần Thị Huế	Cao đẳng Hộ sinh	Hộ sinh	007982/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 5 năm				
7.	Lê Thùy Linh	Cao đẳng Hộ sinh	Hộ sinh	007983/ TH- CCHN	Hộ sinh viên	> 5 năm				
8.	Lê Thị Hà	Hộ sinh CD	Hộ sinh	016678/ TH- CCHN	Hộ sinh viên	> 5 năm				
9.	Ngô Phương Quỳnh	Hộ sinh Cao đẳng	Hộ sinh	016733/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi	- Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô	Khoa Nhi	10
10.	Lê Thị Tuyết	Hộ sinh CD	Hộ sinh	016679/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 5 năm				

11.	Hoàng Thị Duyên	Y sĩ Sân khoa	Sân khoa	012748/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 5 năm	Thực tập tốt nghịệp	hấpvà các bệnh nội nhi khác - CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... - Thực hiện các KT ĐD: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe		
12.	Lê Thị Hà	Hộ sinh CD	Hộ sinh	016678/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 5 năm				
13.	Lê Thị Nguyệt	CD Điều dưỡng	ĐD ĐK	004842/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 5 năm				
14.	Cao Thị Duyên	CD Điều dưỡng	ĐD ĐK	007895/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 5 năm				
15.	Hoàng Thị Thúy	CD Điều dưỡng	ĐD ĐK	007976/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 5 năm				
16.	Lê Thị Quỳnh Hoa	ĐH Điều dưỡng	ĐD ĐK	007951/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 5 năm				
17.	Phan Thị Hiền	CD Điều dưỡng	ĐD ĐK	007959/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 5 năm				
18.	Phạm Thị Đào	CD Điều dưỡng	ĐD ĐK	007971/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 5 năm				
19.	Phan Thị Oanh	CD Điều dưỡng	ĐD ĐK	007952/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 5 năm				
20.	Đoàn Thị Thủy	CD Điều dưỡng	ĐD ĐK	004814/ TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 5 năm				

4. CAO ĐẲNG DƯỢC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Bùi Thị Hạnh	Dược sỹ Cao đẳng		1155/TH-CCHND	Quầy thuốc; Đại lý bán thuốc cho doanh nghiệp kinh doanh thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Tủ thuốc của trạm y tế	> 10 năm	Dược lâm sàng Thực tập Tốt nghiệp	- Thực hành Dược lâm sàng, Tra cứu TT thuốc, SD thuốc, Báo cáo ca LS, ... - Tư vấn sử dụng thuốc - Dự trữ thuốc - Bảo quản thuốc....	Dược	0
2.	Lê Anh Hoàng	Dược sỹ Cao đẳng		1157/TH-CCHND		> 10 năm			Dược	
3.	Hoàng Thị Thu Hà	Dược sĩ Cao đẳng		1156/TH-CCHND		> 10 năm			Dược	
4.	Nguyễn Thị Luyến	Dược sĩ ĐH		1252/TH-CCHND		> 10 năm			Dược	
5.	Trần Thị Nguyệt	Dược sĩ Cao đẳng		1139/TH-CCHND		> 10 năm			Dược	

6.	Lê Văn Hiếu	Dược sĩ CKI		3274/TH- CCHND	Nhà thuốc; Quầy thuốc	> 10 năm			Dược	
7.	Lê Hồng Phong	Dược sĩ Cao đẳng		4315/CC HND- SYT-TH	Bán lẻ thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã	> 10 năm			Dược	

5. CAO ĐẲNG/ TRUNG CẤP Y HỌC CỔ TRUYỀN

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số gường đạt yêu cầu thực hành
1.	Hoàng Văn Ngọc	Bác sĩ YHCT	YHCT	012717/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	> 10 năm				
2.	Nguyễn Thị Hường	Bác sĩ CKI YHCT	YHCT	012716/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	> 10 năm	Y học cổ truyền	- Thực hành LS YHCT, - LS bệnh học y học hiện đại - Thực hành LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	PHCN Đông Y	25
3.	Lê Kim Sơn	BSCKI YHCT	YHCT	006849/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng phương pháp YHCT, KCB	> 10 năm	LS bệnh học y học hiện đại			

					VLTL- PHCN					
4.	Nguyễn Như Quỳnh	BCKI YHCT	YHCT	007945/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT, bệnh cơ xương khớp, nội tiết, đái tháo đường	> 10 năm				
5.	Đỗ Ngọc Hùng	CD Điều dưỡng	Điều dưỡng	004856/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng phương pháp YHCT, VLTL và PHCN; KTV vật lý trị liệu-Phục hồi chức năng	> 10 năm				
6.	Nguyễn Vũ Nghĩa	CD Điều dưỡng	Điều dưỡng	016668/TH- CCHN		> 10 năm				
7.	Nguyễn Thanh Tùng	CD Điều dưỡng	Điều dưỡng	018079/TH- CCHN		> 10 năm				

6. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Trần Văn Thắng	BCKI CDHA	HAYH	004838/TH- CCHN	Khám bệnh,	> 10 năm			CDHA	0

					chữa bệnh và chẩn đoán hình ảnh				
2.	Nguyễn Bá Tình	BSCKI CĐHA	CĐHA	011950/TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh, nội soi tiêu hóa chẩn đoán	> 10 năm	LS vòng 1. 2.3 Thực tập Tốt nghệp	- KT Siêu âm chẩn đoán - KT Chụp XQ - KT chụp CLVT - CHT - Quản lý khoa XQ	
3.	Phạm Xuân Bình	CĐ Điều dưỡng	KTV	004820/TH- CCHN	Điều dưỡng viên, KTV chụp cắt lớp vi tính	> 10 năm			
4.	Trần Văn Năm	CĐ KTV	KTV	007980/TH- CCHN	Điều dưỡng viên, KTV chiếu chụp X quang	> 10 năm			

5.	Bùi Sỹ Danh	CĐ KTV	KTV	007966/TH-CCHN	Điều dưỡng viên, KTV chụp CT Scanner, Xquang	> 10 năm				
6.	Phạm Văn Dương	ĐH Kỹ thuật viên XQ	KTV	007965/TH-CCHN	Kỹ thuật viên, kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh y học, đọc và mô tả hình ảnh chẩn đoán	> 10 năm				
7.	Trịnh Văn Tư	Kỹ thuật CĐ	KTV	018077/TH-CCHN	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	> 10 năm				
8.	Bùi Sỹ Danh	CĐ KTV	KTV	007966/TH-CCHN	Điều dưỡng viên, KTV chụp CT Scanner, Xquang	> 10 năm				

9. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Phạm Đình Trung	CD Điều dưỡng	KTV	004847/TH-CCHN	Điều dưỡng viên, KTV VLTL-PHCN	> 10 năm	Lâm sàng Phục hồi chức năng Lâm sàng Kiểm soát nhiễm khuẩn	- Thực hành lâm sàng Phục hồi chức năng, Vận động trị liệu, hoạt động trị liệu,.... - Ngôn ngữ trị liệu - Thực hành lâm sàng Kiểm soát nhiễm khuẩn	PHCN-Đông Y	20
2.	Nguyễn Thị Tú	CD Điều dưỡng	KTV	007993/TH-CCHN	Điều dưỡng viên, KTV VLTL-PHCN	> 10 năm				
3.	Hoàng Thị Hương	CD Điều dưỡng	KTV	007991/TH-CCHN	Điều dưỡng viên, KTV VLTL-PHCN	> 10 năm				
4.	Lê Thị Quỳnh	CD Điều dưỡng	KTV	007999/TH-CCHN	Điều dưỡng viên, KTV VLTL-PHCN	> 10 năm				
5.	Lê Thị Hoài Thu	CD Điều dưỡng	KTV	012751/TH-CCHN	Điều dưỡng viên, KTV VLTL-PHCN	> 10 năm				

10. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành , chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Nguyễn Thị Trang	ĐH Kỹ thuật viên	XN	012699/TH-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	> 5 năm	Huyết học Hóa sinh Vi sinh – KST GPB	- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm: Công thức máu, Huyết đồ, tủy đồ, cách nhận định kết quả, phân tích sai hỏng về kết quả huyết học và các kỹ thuật cao. - Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm sinh hoá, định tính, định lượng các xét nghiệm sinh hoá ...	Xét nghiệm	0
2.	Hoàng Thị Diệp	ĐH KTV XN	XN	007416/TH-CCHN	Điều dưỡng, KTV huyết học truyền máu	> 10 năm				
3.	Nguyễn Thị Liên	CĐ KTV XN	XN	004765/TH-CCHN	Xét nghiệm viên	> 10 năm				
4.	Nguyễn Ngọc Ánh	CĐ KTV XN	XN	15321/TH-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	> 10 năm				
5.	Phạm Thị Kim Anh	CĐ KTV XN	XN	012703/TH-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	> 10 năm				
6.	Nguyễn Đình Hưng	ĐH Kỹ thuật viên	XN	007994/TH-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	> 10 năm				

7.	Mai Đức Thành	CD Điều dưỡng	XN	012702/TH-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm	> 10 năm				
----	---------------	---------------	----	----------------	--------------------------	----------	--	--	--	--

11. ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG

ST T	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Nguyễn Thị Nhậm	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	007987/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nội - Truyền nhiễm - HSCC Thực tập tốt nghiệp	- Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác. - CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... - Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...	Nội khoa - Truyền nhiễm - Cấp cứu	20
2.	Trịnh Thị Tâm	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	004864/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
3.	Mai Văn Mẫn	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	004822/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
4.	Phan Thị Thành	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	004804/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
5.	Lê Thị Hoàn	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	004800/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
6.	Hoàng Thị Mai	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	012722/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Ngoại Thực tập tốt nghiệp	- Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường. - Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...	Khoa ngoại	10
7.	Lê Văn Thắng	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	004796/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 10 năm				

					, KT viên					
8.	Trịnh Thị Yến	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	004811/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
9.	Bùi Thị Thu Trang	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	018211/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
10.	Phùng Thị Tuyết	Điều dưỡng viên	ĐDDK	012750/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Sân Thực tập tốt nghệ nghiệp	- Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... - Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...	Khoa Sân	10
11.	Nguyễn Thị Thắm	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	004805/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
12.	Phạm Thị Huê	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	004795/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
13.	Nguyễn Thị Mai	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	007106/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
14.	Lê Thị Thủy	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	004803/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
15.	Nguyễn Thị Hiền	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	012721/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi Thực tập tốt nghệ nghiệp	- Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác. - CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ...	Khoa Nhi	7
16.	Lê Thị Dung	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	004802/TH- CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				
17.	Phạm Thị Thương	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	004455/HN O-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm				

18.	Nguyễn Thị Thu	ĐH Điều dưỡng	ĐDDK	012725/TH-CCHN	Điều dưỡng viên	> 10 năm		- Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe.		
-----	----------------	---------------	------	----------------	-----------------	----------	--	---	--	--

12. ĐẠI HỌC BÁC SỸ ĐA KHOA

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Nguyễn Hoàng Anh	Bác sĩ CKI HSCC	Nội khoa	010789 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh, Gây mê hồi sức, Siêu âm ổ bụng chẩn đoán, thận lọc máu	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Nội - Truyền nhiễm - HSCC Thực tập tốt nghiệp	- Khám, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác. - Xử trí Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... - Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe ...	Nội khoa - Truyền nhiễm - Cấp cứu	20
2.	Phạm Thị Quỳnh	BSCKI Nội khoa	Nội khoa	012719 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, siêu âm tổng quát chẩn đoán	> 10 năm				
3.	Trịnh Văn Tương	BSCKI Nội	Nội khoa	004835 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, siêu	> 10 năm				

					âm ổ bụng chẩn đoán					
4.	Mai Thị Hằng	Bác sĩ ĐK	Nội khoa	018092 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm				
5.	Bùi Thị Ngọc	Bác sĩ ĐK	Nội khoa	012550 /TH- CCHN	Khám chữa bệnh đa khoa	> 10 năm				
6.	Vũ Kim Khán	BSCKI GMHS	Ngoại khoa	004799 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh và gây mê hồi sức	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Ngoại Thực tập tốt nghệ	- Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường. - Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa ...	Khoa ngoại	10
7.	Viên Đình Dũng	Bác sĩ CKI ngoại khoa	Ngoại khoa	14958/ TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm				
8.	Lê Anh Tuấn	Ths BSCKII ngoại	Ngoại khoa	004831 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa, phẫu thuật nội soi	> 10 năm				
9.	Nguyễn Danh Hội	BSCKII ngoại	Ngoại khoa	004866 /TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại khoa, Răng hàm mặt, Phẫu thuật nội soi	> 10 năm				
10.	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Bác sĩ ĐK / định hướng	Sản khoa	14933/ TH- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Sản	- Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ....	Khoa Sản	10

		Sản khoa					Thực tập tốt nghiệp	- Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD...		
11.	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Bác sĩ ĐK/ định hướng Sản khoa	Sản khoa	016634 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm				
12.	Trịnh Thăng Nguyên	Thạc sỹ Sản khoa	Sản khoa	009788 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, sản phụ khoa	> 10 năm				
13.	Phạm Thị Trang	Bác sĩ ĐK	Sản khoa	019079 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa, sản phụ khoa	> 10 năm				
14.	Lê Đình Quang	BSCKI Nhi	Nội nhi	008295 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội-Nhi	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Nhi Thực tập tốt nghiệp	- Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấpvà các bệnh nội nhi khác. - CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, ... - Thực hiện các KT ĐD: Truyền máu, dịch, ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ	Khoa Nhi	8
15.	Nguyễn Thị Hà	Bác sĩ ĐK	Nội nhi	020217 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 10 năm				
16.	Nguyễn Thế Phong	BSCKI nội	Nội nhi	013066 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nhi	> 10 năm				
17.	Lê Thị Kim Anh	Bác sĩ ĐK	Nội nhi	017893 /TH-CCHN	Khám bệnh, chữa	> 10 năm				

					bệnh đa khoa					
--	--	--	--	--	-----------------	--	--	--	--	--

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NỘI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Nội khoa)

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	0	
4.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		2	
5.	Màn chiếu	Cái	0	
6.	Máy chiếu	Cái	0	
7.	Máy tính	Cái	6	
8.	Ổng nghe	Cái	4	
9.	Đèn đọc phim	Cái	1	
10.	Bàn ghế ngồi	Bộ	6	
11.	Ghế đơn	Cái	30	
12.	Bóng Ambu	Cái	1	
13.	Bình Oxy các loại	Cái	1	
14.	Máy Monitor	Cái	1	
15.	Máy ghi điện tim	Cái	1	
16.	Máy hút đờm dãi	Cái	1	
17.	Giường bệnh	Cái	75	
18.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	4	
19.	Máy thở	Cái	0	
20.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	2	
21.	Xe tiêm, Dụng cụ, thuốc	Cái	4	
22.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	7	
23.	Bơm tiêm điện	Cái	0	
24.	Nhiệt kế các loại	Cái	4	
25.	Hộp chống shock	Cái	4	
26.	Cân	Cái	1	
27.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Cái	2	
28.	Tủ sấy	Cái	0	
29.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	70	
30.	Ghế nhà ga	Cái	6	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA SẢN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Sản khoa)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	01	
2.	Phòng trực	Phòng	01	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		01	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	03	
5.	Ghế đơn	Cái	25	
6.	Máy tính	Cái	07	
7.	Ống nghe	Cái	02	
8.	Đèn đọc phim	Cái	00	
9.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	07	
10.	Bóng Ambu	Cái	03	
11.	Bình Oxy các loại	Cái	03	
12.	Máy hút đờm rãi	Cái	00	
13.	Giường bệnh	Cái	71	
14.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	03	
15.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	04	
16.	Xe tiêm	Cái	03	
17.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	25	
18.	Bơm tiêm điện	Cái	04	
19.	Nhiệt kế các loại	Cái	03	
20.	Hộp chống shock	Cái	03	
21.	Dụng cụ khám thai	Bộ	04	
22.	Cân	Cái	03	
23.	Thước đo chiều cao	Cái	02	
24.	Nồi luộc dụng cụ	Cái	00	
25.	Tủ sấy	Cái	03	
26.	Nồi hấp	Cái	10	
27.	Kẹp, panh, kéo, kìm, van các loại	Bộ	15	
28.	Bộ tiêu phẫu (làm rốn)	Bộ		
29.	Bàn mổ - Dụng cụ mổ các loại	Cái	00	
30.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	71	
31.	Bàn khám phụ khoa	Cái	01	
32.	Bàn đẻ	Cái	06	
33.	Bàn làm thủ thuật	Cái	01	
34.	Đèn gù	Cái	04	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NGOẠI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Ngoại khoa)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	2	01 phòng trực bs, 01 phòng nhân viên
3.	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	0	
4.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)		5	01 phòng trưởng khoa, 03 phòng mổ, 01 phòng thủ thuật, 01 phòng hành chính
5.	Máy tính	Cái	8	
6.	Ống nghe	Cái	3	
7.	Đèn đọc phim	Cái	2	
8.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
9.	Bàn ghế ngồi	Bộ	1 bộ	3 bàn, 20 ghế
10.	Ghế đơn	Cái	20	
11.	Bóng Ambu	Cái	5	
12.	Bình Oxy các loại	Cái		Hệ thống Oxy trung tâm, 01 máy tạo oxy
13.	Máy hút đờm rãi	Cái	3	
14.	Giường bệnh	Cái	65	
15.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	3	
16.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	5	2 cáng, 3 xe đẩy
17.	Xe tiêm, Dụng cụ, thuốc	Cái	2	
18.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	20	
19.	Bơm tiêm điện	Cái	3	
20.	Nhiệt kế	Cái	2	
21.	Hộp chống shock	Cái	3	
22.	Cân	Cái	1	
23.	Tủ sấy	Cái	1	
24.	Nồi hấp	Cái	0	
25.	Các loại nẹp và dụng cụ cố định gãy xương	Bộ	100	100 bộ nẹp gỗ các loại
26.	Kẹp, panh, kéo, kim, van các loại	Bộ	200	
27.	Bộ trung phẫu	Bộ		
28.	Bộ tiểu phẫu	Bộ	10	
29.	Bàn mổ	Cái	6	2 bàn PT sản khoa, 2 bàn PT ngoại, 1 bàn PT nội soi
30.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	65	
31.	Bàn làm thủ thuật	Cái	2	
32.	Đèn gù	Cái	1	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NHI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Nhi khoa)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	01	
2.	Phòng trực	Phòng	01	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)	Phòng	02	
4.	Màn chiếu	Cái	0	
5.	Máy chiếu	Cái	0	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	04	
7.	Máy tính	Cái	04	
8.	Ống nghe	Cái	02	
9.	Đèn đọc phim	Cái	0	
10.	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	0	
11.	Ghế đơn	Cái	06	
12.	Bóng Ambu	Cái	01	
13.	Bình Oxy các loại	Cái	01	
14.	Máy hút đờm rãi	Cái	01	
15.	Giường bệnh	Cái	48	
16.	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	02	
17.	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	01	
18.	Xe tiêm	Cái	0	
19.	Bơm tiêm điện	Cái	01	
20.	Nhiệt kế	Cái	02	
21.	Hộp chống shock	Cái	01	
22.	Cân	Cái	01	
23.	Thước đo chiều cao	Cái	01	
24.	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	37	
25.	Máy khí dung	Cái	04	
26.	Máy truyền dịch	Cái	01	
27.	Máy monitor	Cái	01	
28.	Lồng ấp sơ sinh	Cái	01	
29.	Máy chiếu vàng da	Cái	05	
30.	Máy thở Cpap	Cái	01	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA DƯỢC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/ Cao đẳng/Trung cấp Dược)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính,...)	Phòng	1	
4.	Màn chiếu	Cái	0	
5.	Máy chiếu	Cái	0	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	4	
7.	Máy tính	Cái	5	
8.	Ghế đơn	Cái	5	
9.	Kho thuốc nội trú	Kho	2	
10.	Kho thuốc ngoại trú	Kho	1	
11.	Kho vật tư tiêu hao	Kho	1	
12.	Kho hóa chất	Kho	1	
13.	Phòng dược lâm sàng	Phòng	0	
14.	Tủ lạnh	Cái	4	
15.	Tủ bảo quản thuốc: bút tiểu đường, insulin...,	Cái	0	
16.	Máy đo nhiệt độ	Cái	4	
17.	Máy đo độ ẩm	Cái	4	
18.	Máy sấy	Cái	1	
19.	Tủ đựng thuốc	Cái	3	
20.	Xe vận chuyển thuốc	Cái	2	
21.	Xe phát thuốc	Cái	8	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA XÉT NGHIỆM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	01	
2.	Phòng trực	Phòng	01	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	04	
4.	Màn chiếu	Cái	0	
5.	Máy chiếu	Cái	0	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	01	
7.	Máy tính	Cái	03	
8.	Bảng viết lớn	Cái	0	
9.	Ghế đơn	Cái	0	
10.	Máy phân tích huyết học	Cái	04	
11.	Máy sinh hóa tự động	Cái	02	
12.	Máy đông máu tự động	Cái	01	
13.	Máy điện giải đồ	Cái	02	
14.	Máy phân tích nước tiểu	Cái	03	
15.	Máy li tâm	Cái	02	
16.	Kính hiển vi	Cái	01	
17.	Tủ mát	Cái	02	
18.	Tủ lạnh chuyên dùng	Cái	01	
19.	Cân điện tử	Cái	0	
20.	Máy máu lắng tự động	Cái	0	
21.	Nồi hấp ướ	Cái	01	

**DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC
HÀNH**

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	6	
4.	Màn chiếu	Cái	0	
5.	Máy chiếu	Cái	0	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	1	
7.	Máy tính	Cái	11	
8.	Bảng viết lớn	Cái	0	
9.	Ghế đơn	Cái	12	
10.	Giường để siêu âm (giường, chiếu, gối, chăn,...)	Cái	3	
11.	Máy chụp X-Quang	Cái	3	
12.	Máy chụp cắt lớp vi tính	Cái	1	
13.	Máy siêu âm màu	Cái	4	
14.	Máy điện tim 6 cần	Cái	1	
15.	Máy điện não	Cái	1	
16.	Máy lưu huyết não	Cái	1	
17.	Đèn đọc phim	Cái	2	
18.	Hệ thống nội soi dạ dày	Bộ	2	
19.	Đầu dò siêu âm 2D, 3D, 4D	Cái	9	

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA ĐÔNG Y - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU
GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	3	
4.	Bàn ghế ngồi	Bộ	4	
5.	Bộ dụng cụ đo dấu hiệu sinh tồn	Bộ	5	
6.	Bộ dụng cụ tiêm thuốc	Bộ	4	
7.	Bộ dụng cụ châm cứu	Bộ	0	
8.	Bộ dụng cụ xoa bóp	Bộ	0	
9.	Máy sắc thuốc 24 âm	Máy	1	
10.	Máy điện châm	Cái	43	
11.	Đèn hồng ngoại	Cái	4	
12.	Máy trung tần	Cái	0	
13.	Máy xoa bóp toàn thân	Cái	0	
14.	Bộ dụng cụ giác hơi	Bộ	0	
15.	Xe đạp tập	Cái	1	
16.	Máy sóng ngắn	Cái	0	
17.	Nồi điện nấu Parafin	Cái	0	
18.	Ròng rọc tập	Cái	0	
19.	Cầu thang tập đi	Cái	0	
20.	Bàn tập đứng	Cái	0	
21.	Bộ tạ	Bộ	0	
22.	Thanh tập song song	Cái	1	
23.	Ghế tập mạnh chân tay	Cái	0	
24.	Giường châm cứu	Cái	0	
25.	Giường đa năng	Cái	0	
26.	Giường inox	Cái	60	
27.	Tủ thuốc	Cái	1	

Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng hội trường lớn (để học theo lớp)	Phòng	1	200m ²
2	Phòng hội thảo nhỏ (học theo nhóm)	Phòng	2	50 m ²
5	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	2	20 m ²
6	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật, hành chính, phòng bó bột, phòng mổ, đẻ...)			Đầy đủ theo quy định của BV hạng 2
7	Bảng viết lớn (Hội trường)	Cái	1	
8	Bảng phụ	Cái	1	
9	Màn chiếu	Cái	1	
10	Máy chiếu	Cái	1	
11	Máy tính	Cái	1	
12	Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa	Phần mềm	1	
13	Bàn ghế ngồi	Bộ	100	
14	Ghế đơn	Cái	15	